

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 01 - 2020
V/V “Kiện ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: thôn L, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. (Đã có quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự số 01/2015/VDS ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam).

Người đại diện hợp pháp cho anh Lê Thanh B là ông Lê Đình K, sinh năm 1959 (bố đẻ giám hộ cho anh B).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị H và ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H trình bày chị và anh Lê Thanh B lấy nhau là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm ra tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mắng cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân chị biết tin anh B có biểu hiện bất B thường về việc nhận thức và đã được gia đình đề nghị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự từ năm 2015. Nay chị xét thấy mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh B. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thành A, sinh ngày 22/6/2005 và Lê Thanh T, sinh năm 2010 (chết năm 2012) kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Thành A ở với anh B và ông bà nội (vợ chồng ông K). Khi ly hôn nguyện vọng chị xin được nuôi con chung, anh B là người mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng không có con nuôi. Về tài sản chung riêng, công nợ, công sức đóng góp: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ông Lê Đình K là người giám hộ cho bị đơn trình bày: Về điều kiện, thủ tục, trình tự kết hôn như chị Đỗ Thị H trình bày là đúng. Sau khi cưới anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì chị Đỗ Thị H có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, gia đình và anh B biết có khuyên bảo thì tự ý bỏ nhà đi để lại hai đứa con cho anh B chăm sóc. Khi chị H bỏ đi được một thời gian thì cháu Lê Thanh T chết do đuối nước. Vợ bỏ đi, con chết nên anh B suy nghĩ nhiều dẫn đến thần kinh không ổn định như nói nhiều, đánh đập và chửi bới người thân trong gia đình. Gia đình phải đưa anh B đến bệnh viện Tâm thần để điều trị Năm 2015 ông K đề nghị được Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ra quyết định số 01/2015 ngày 10/12/2015 về việc tuyên bố anh Lê Thanh B mất năng lực hành vi dân sự. Nay chị H xin ly hôn anh Lê Thanh B, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh B, chị H có hai con chung là Lê Thành A, sinh ngày 22/6/2005 và Lê Thanh T, sinh ngày 20/10/2010 (chết năm 2012). Kể từ khi chị H bỏ nhà đi đến nay, con trai ông bị phát bệnh phải điều trị T thần nên cháu Lê Thành A đều do vợ chồng ông nuôi dưỡng, chăm sóc. Nay chị H xin ly hôn anh B, ông K có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thành A. Vợ chồng anh Lê Thanh B không có con nuôi. Về tài sản, chung riêng và công nợ, công sức đóng góp: theo ông biết thì không có bất kỳ tài sản gì, bản thân anh B vẫn do vợ chồng ông nuôi là chủ yếu, ông không yêu cầu chị Đỗ Thị H phải trợ cấp cho anh B khi ly hôn.

* Tại phiên toà: Chị Đỗ Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Thanh B không thay đổi bổ sung gì thêm. Ông Lê Đình K là người giám hộ cho bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn thực hiện đúng theo các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Thanh B.

2/ Về con chung: Giao chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thành A (con trai), sinh ngày 22/6/2005 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì anh B mất năng lực hành vi dân sự.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thanh B của chị Đỗ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng: Anh Lê Thành B là người mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục về người giám hộ đối với ông Lê Đình K là cha đẻ, đại diện hợp pháp cho anh Lê Thanh B đúng theo quy định tại khoản 3 Điều

24 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, các Điều 49, khoản 3 Điều 53 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Thanh B hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2003, tại thời điểm kết hôn chị H và anh B hoàn toàn B thường điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H đã bỏ nhà đi, vợ chồng hoàn toàn ly hôn. Sau khi ly thân anh B bị phát bệnh về thần kinh và đã có Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự số 01/2015 ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Hiện anh Lê Thanh B đang được hưởng trợ cấp xã hội về người mất năng lực hành vi dân sự là hoàn toàn có căn cứ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó cuộc hôn nhân của chị H và anh B là không tồn tại từ năm 2012 đến nay và không đem lại hạnh phúc cho các bên. Nay chị Đỗ Thị H xin ly hôn Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thành A, (con trai) sinh ngày 22/6/2005 và Lê Thanh T, sinh năm 2010 (chết năm 2012). Trong quá trình ly thân chị H không có việc làm và chỗ ở ổn định nên cháu Lê Thành A đều do ông bà nội cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng xin được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy anh Lê Thanh B mất năng lực hành vi dân sự, mặc dù ông K vẫn có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thành An nhưng chị Đỗ Thị H là người hoàn toàn B thường, có sức khỏe, lao động có thu nhập, chị là mẹ đẻ của Lê Thành A nên việc giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Yêu cầu xin trực tiếp được nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của chị được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Con nuôi: Chị H và anh B không có con nuôi chung, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp: Các bên đương sự đều xác định là không có, Hội đồng xét xử không đề cập. Ông K không yêu cầu chị H phải trợ cấp khi ly hôn đối với anh B nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 143, 144, 147, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 24, Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 49 và khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Thanh B.

2/ Về con chung: Giao chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Lê Thành A (con trai), sinh ngày 22/6/2005. Anh Lê Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì bị mất năng lực hành vi dân sự.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004369 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND phường L, thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

	Hội đồng xét xử sơ thẩm	
Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

